

Số: **2384** /QĐ-SXD-VP

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 31 tháng 12 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2021
cho Trung tâm Quản lý nhà và Giám định Xây dựng**

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 77/QĐ-UB ngày 28 tháng 02 năm 1989 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc hợp nhất Ủy ban Xây dựng cơ bản Thành phố và Sở Xây dựng thành một tổ chức mới lấy tên là Sở Xây dựng thuộc Ủy ban nhân dân Thành phố;

Căn cứ Quyết định số 05/2010/QĐ-UBND ngày 20 tháng 01 năm 2010 của Ủy ban nhân dân Thành phố về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4567/QĐ-UBND ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao chỉ tiêu dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021;

Xét đề nghị của Chánh Văn phòng Sở tại Phiếu trình số 839 ngày 31 tháng 12 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao dự toán thu, chi ngân sách Nhà nước năm 2021 cho Trung tâm Quản lý nhà và Giám định Xây dựng theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Căn cứ dự toán chi ngân sách năm 2021 được giao, Giám đốc và Kế toán trưởng Trung tâm Quản lý nhà và Giám định Xây dựng tổ chức thực hiện theo đúng quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

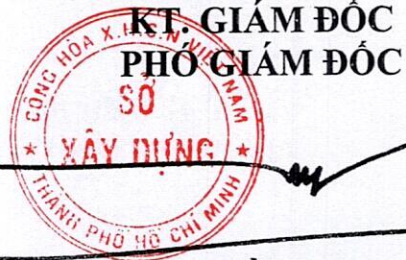


Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2021. Giám đốc và Kế toán trưởng Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận: *hiển*

- Sở Tài chính (P.HCSN);
- KBNN TP.HCM;
- KBNN Quận 3;
- Các PGĐ Sở (để biết);
- CVP, P.CVP PTKT (để theo dõi);
- Lưu: VPS (VT, TC-KT).

Giang *ya*



Lê Trần Kiên

SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Phụ lục 1

Chương 419



DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2021

Đơn vị: Trung tâm Quản lý nhà và Giám định Xây dựng

Mã số: 1093947

Mã KBNN nơi giao dịch (TABMIS)

Chương 419 - Loại 280 - Khoản 332

(Kèm theo Quyết định số 2384/QĐ-SXD-VP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí, thu sự nghiệp	
1	Số thu phí, lệ phí	100.000
1.1	Lệ phí	0
1.2	Phí	100.000
	<i>Phí khai thác và sử dụng TLLT</i>	<i>100.000</i>
2	Số thu sự nghiệp, dịch vụ	6.000.000
	<i>Thu từ các hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật</i>	<i>6.000.000</i>
3	Chi từ nguồn thu phí được để lại	90.000
3.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ tự chủ	90.000
3.2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không tự chủ	0
4	Số phí, lệ phí nộp NSNN	10.000
4.1	Lệ phí	0
4.2	Phí	10.000
	<i>Phí khai thác và sử dụng TLLT</i>	<i>10.000</i>
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	154.089.000
1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ tự chủ	14.356.000
	- Chi từ ngân sách thành phố	12.538.000
	<i>Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL</i>	<i>270.190</i>
	<i>+Kinh phí chi cho công tác thi đua khen thưởng</i>	<i>0</i>
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	1.818.000
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	0
2	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không tự chủ	139.733.000
	- Chi từ ngân sách thành phố	127.733.000
	<i>Trong đó: + 10% tiết kiệm thực hiện CCTL</i>	<i>1.315.000</i>
	- Chi từ nguồn CCTL ngân sách thành phố	9.319.000
	- Chi từ nguồn CCTL của đơn vị năm trước chuyển sang	2.681.000



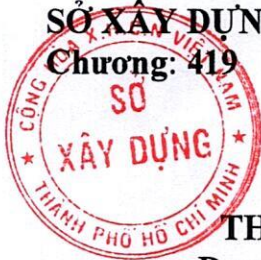
Ghi chú:

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ tự chủ được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố, chỉ được dùng để chi chênh lệch tăng lương từ 1.210.000 đồng lên 1.490.000 đồng và các khoản đóng góp theo chênh lệch tăng lương, **không được chi cho nội dung khác**. Trường hợp sau khi sử dụng các nội dung nêu trên còn thừa, đơn vị được tiếp tục quản lý và sử dụng để đảm bảo nhu cầu tăng lương theo lộ trình của Chính phủ.

- Kinh phí thực hiện nhiệm vụ không tự chủ được sử dụng từ nguồn cải cách tiền lương của ngân sách thành phố và từ nguồn cải cách tiền lương của đơn vị năm trước chuyển sang chỉ được dùng để chi kinh phí tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/NĐ-CP ngày 20 tháng 11 năm 2014 của Chính phủ, Nghị quyết số 25/2017/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân thành phố và chi trả thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 03/2018/NQ-HĐND ngày 16 tháng 03 năm 2018 của Hội đồng nhân dân thành phố, **không được chi cho nội dung khác**. Trường hợp sau khi sử dụng các nội dung nêu trên còn thừa, đơn vị được tiếp tục quản lý và sử dụng để đảm bảo nhu cầu chi trả kinh phí tinh giản biên chế và chi trả thu nhập tăng thêm theo quy định.

Chi tiết kinh phí thực hiện nhiệm vụ không tự chủ:

STT	Nội dung	Tổng số
	Chi quản lý hành chính	127.733.000
1	- Kinh phí vận chuyển hồ sơ chuyên ngành	38.000
2	- Kinh phí thực hiện cấp chứng chỉ hành nghề năng lực hoạt động xây dựng	1.800.000
3	- Kinh phí mua xe ô tô chuyên dùng	2.760.000
4	- Cải tạo sửa chữa 255 Trần Hưng Đạo và sửa sàn thương mại chung cư Tân Mỹ	9.604.000
5	- Kinh phí quản lý vận hành, bảo trì bảo hiểm nhà thuộc sở hữu Nhà nước	84.200.000
6	- Kinh phí quản lý vận hành quỹ nhà sản xuất kinh doanh thuộc sở hữu Nhà nước	11.264.000
7	- Kinh phí quản lý vận hành quỹ nhà ở cũ thuộc sở hữu Nhà nước từ các quận – huyện và quỹ nhà tái định cư khu đô thị mới Thủ Thiêm	8.054.000
8	- Kinh phí mua sắm trang thiết bị làm việc cho viên chức trúng tuyển năm 2020	1.668.000
9	- Kinh phí số hóa tài liệu lưu trữ giai đoạn 1	8.345.000



**BẢNG THUYẾT MINH TÍNH TIẾT KIỆM
10% CHI TỰ CHỦ VÀ KHÔNG TỰ CHỦ
THỰC HIỆN CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG NĂM 2021**
Đơn vị: Trung tâm Quản lý nhà và Giám định xây dựng
Mã số: 1093947

Mã KBNN nơi giao dịch (TABMIS)

Chương 419 - Loại 340 - Khoản 341

(Kèm theo Quyết định số 2384/QĐ-SXD-VP ngày 31 tháng 12 năm 2020
của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Nội dung	Số liệu		
		Tổng cộng	Kinh phí thực hiện tự chủ	Kinh phí thực hiện không tự chủ
1	Dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2021	12.538.000	12.538.000	
2	Các khoản không tính tiết kiệm năm 2021 (các khoản tiền lương, phụ cấp theo lương, khoản có tính chất lương và các khoản chi cho con người theo chế độ)	9.836.104	9.836.104	
2.1	Tiền lương (M6000)	7.586.752	7.586.752	
2.2	Tiền công (M6050)	209.732	209.732	
2.3	Phụ cấp lương (M6100)	167.972	167.972	
2.4	Các khoản đóng góp (M6300)	1.871.647	1.871.647	
3	Các khoản tính tiết kiệm năm 2021 [(1) - (2)]	2.701.896	2.701.896	
4	Tiết kiệm 10% chi tự chủ thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 [(3) x 10%] (làm tròn)	270.190	270.190	
5	Các khoản tính tiết kiệm năm 2021 (không bao gồm kinh phí chuyên môn)	13.150.334	0	13.150.334
	- Kinh phí mua xe ô tô chuyên dùng			2.760.000

STT	Nội dung	Số liệu		
		Tổng cộng	Kinh phí thực hiện tự chủ	Kinh phí thực hiện không tự chủ
	- Cải tạo sửa chữa 255 Trần Hưng Đạo và sửa sàn thương mại chung cư Tân Mỹ			9.604.000
	- Kinh phí mua sắm trang thiết bị làm việc cho viên chức (không có quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng) (1.668.000 – 881.666)			786.334
6	Tiết kiệm 10% chi không tự chủ thực hiện cải cách tiền lương năm 2021 [(5) x 10%] (làm tròn)	1.315.000	0	1.315.000